

NGÔN NGỮ HỒI C VÀ VIẾT NGỮ HỒI C

**HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ BIỂU CẢM THỰC HIỆN
BẰNG CẤU THỨC KẾT CÚU HỒI C HẸM A TỰ HỒI
(TRÊN TỪ LIỆU KỊCH BẢN PHIM TRUYỀN HÌNH HÀN QUỐC)
EXPRESSIVE ACTION CARRIED OUT BY QUESTION STRUCTURE
EXPRESSION CONTAINING QUESTION WORDS (ON KOREAN TV DRAMA
SCENARIO DOCUMENTATION)**

**HOÀNG THỊ YẾN
(TS; Đẳng cấp học sĩ, ĐHQG Hà Nội)**

Abstract: Expressive actions carried out by question structure expressions containing question words appear in documentation including: criticism, affirmation/ negation, advice/ remind/ warning, surprise/ anger, etc. In fact, the number of sub-categories in expressive actions is hardly identified. This results from levels of diversity in scope and degree of humans' emotional levels corresponding to outside influence, and particular traits of relations among communicators in conversations. The acceptance and response of listeners when communicating, elements of language use and exclamation greatly influence the implementation of expressive actions of question structure expressions containing question words.

Key words: indirect structure expressions; expressive structure expressions; question structure expression containing question words; Korean TV dramas.

Mở đầu

Trên cơ sở kết quả thành tựu nghiên cứu về câu hỏi trong tiếng Hàn (tiêu biểu là Park Young Soon (2001), Nam Gi Sim và Ko Young Geun (1985), Lee Ik Seup và Chae Wan (2005)...) và tiếng Việt (tiêu biểu là Nguyễn Kim Thôn (1964), Hoàng Trọng Phiến (1980), Cao Xuân Hào (1991)...), có thể đưa ra một định nghĩa chung về câu hỏi cho tiếng Hàn và tiếng Việt như sau: *Câu hỏi (hay câu nghi vấn) là loại câu có một hoặc cả ba dấu hiệu hình thức nghi vấn (ngữ điệu hỏi, từ hỏi, đuôi câu hỏi). Ngữ điệu nói sẽ dùng câu hỏi để thể hiện mong muốn người nghe làm sáng tỏ hoặc xác nhận điều mình chưa biết, chưa rõ. Ngoài ra, câu hỏi cũng được dùng để chuyển tải những thông tin khác ngoài yêu cầu cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu nhận thức.*

Như vậy, điều kiện để hình thành câu hỏi là: (1) Ngữ điệu nói có “sắc hoài nghi”, “cái chưa rõ, chưa biết”; (2) Ngữ điệu nói “muốn” được người nghe làm sáng tỏ điều chưa biết/ xác nhận điều chưa chắc chắn; (3) Ngữ điệu nói sẽ dùng đuôi câu hỏi và/ hoặc từ hỏi và/ hoặc ngữ điệu hỏi; (4) Mục đích của câu hỏi hỏi người yêu cầu thông báo, cung cấp thông tin và chuyển tải những giá trị ngôn ngữ khác¹.

Bài viết phân tích hành động biểu cảm thực hiện bởi câu hỏi kết cấu câu hỏi có từ hỏi

¹ Cao Xuân Hào (1991, tr.95): ngoài giá trị hỏi, câu hỏi còn “có thể có một (những) giá trị ngôn ngữ phái sinh (phép ẩn dụ, khẳng định, ý nghĩa, thách thức, tranh luận, v.v.) và trong nhiều trường hợp, cái giá trị ngôn ngữ “phái sinh” này lại là công dụng và mục đích duy nhất của câu nói, trong khi tính chất nghi vấn chỉ còn là một hình thức thuần túy, may ra chỉ góp một số tác dụng nào đó cho câu nói”.

đưa vào ngôn ngữ liên tưởng Hàn (kịch bản phim truyền hình). Vì thế, chúng tôi sẽ dùng thuật ngữ “*biểu thức hời*” nhằm đáp ứng yêu cầu của một nghiên cứu ngôn ngữ.

1. Một số khái niệm tiên đề

1.1. Hành động ngôn ngữ gián tiếp

Thuật ngữ “*indirect speech act*” do Searle đưa ra: Một HVTL (hành vi từ ngữ) được thực hiện gián tiếp qua một HVTL khác sẽ được gọi là HVGT (hành vi gián tiếp) [2, tr.59-60]. Theo Đỗ Hữu Châu (2005, tr.495-497), các hành động ngôn ngữ gián tiếp có được đi sau: (1) Liên thuộc mang vào ngữ cảnh; (2) Có một (hoặc một số) biểu thức ngữ vì được trình bày; (3) Dựa vào hình thức của hành động ngôn ngữ gián tiếp là phát ngôn ngữ vì của hành vi trình bày; (4) Hành động ngôn ngữ gián tiếp bị quy định bởi thuyết lập luận, các phương châm hội thoại, phép lịch sự ...)².

1.2. Biểu thức kết cấu hời và hành động ngôn ngữ

Căn cứ vào độ cao thấp của tính nghi vấn, chúng tôi đã phân biểu thức kết cấu hời thành 3 nhóm: (1) Nhóm biểu thức hời thực hiện hành động hời yêu cầu cung cấp thông tin; (2) Nhóm biểu thức thực hiện hành động cấu trúc khi; (3) Nhóm biểu thức thực hiện hành động biểu cảm.

a. Nhóm biểu thức kết cấu hời thực hiện hành động hời trình bày

Nhóm biểu thức hời 질문화행 표현-*biểu thức ngôn ngữ hành hời* hay 인식질문표현-*biểu thức hời nhận thức* được xác lập dựa trên sự phân biệt về cách thức yêu cầu đáp ứng nhu cầu nhận thức (trên lập trình của người yêu cầu cung cấp thông tin) hay cách thức thỏa mãn nhu cầu nhận thức (trên lập trình của người được yêu cầu cung cấp thông tin), gồm các tiêu chí sau:

- Biểu thức hời phán đoán: thực hiện hành động hời yêu cầu phán đoán về thông tin cần biết của biết, ví dụ:

카페에가본적이있으세요? *Anh đến quán cà phê bao giờ chưa?*

- Biểu thức hời gợi thích: thực hiện hành động hời yêu cầu cung cấp thông tin với tiêu điểm nghi vấn là từ hời, ví dụ:

한국의봄날씨는어때요? *Thời tiết mùa xuân Hàn Quốc thế nào?*

- Biểu thức hời lựa chọn: thực hiện hành động hời yêu cầu chọn một từ ngữ thích hợp trong nhiều từ ngữ để đưa ra, ví dụ:

한국영화를 좋아해요? 미국영화를 좋아해요? *Bạn thích phim Hàn Quốc? (Hay) thích phim Mỹ?*

- Biểu thức hời xác nhận: thực hiện hành động hời yêu cầu xác nhận thông tin chính xác/ chưa chính xác cần làm rõ, ví dụ:

누나혼자있는거맞지? *Chị đang ở một mình phải không?*

b. Nhóm biểu thức kết cấu hời thực hiện hành động cấu trúc khi

Hành động ngôn ngữ có phương tiện ngôn ngữ là nhóm biểu thức hời này hướng tới việc yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó (요청의문표현- *biểu thức hời cấu trúc khi*), có 3 tiêu chí:

- Biểu thức kết cấu hời thực hiện hành động ra lệnh 명령의문표현, ví dụ:

빨리먹지못했니? *Không ăn nhanh lên được à? =빨리먹어라. Ăn nhanh lên.*

- Biểu thức kết cấu hời thực hiện hành động nhắc nhở-부탁의문표현, ví dụ:

한국어를좀가르쳐줄수있어요? *Chị có thể dạy tôi tiếng Hàn không?*

- Biểu thức kết cấu hời thực hiện hành động đề nghị 제안의문표현, ví dụ:

우리점심을먹을까? *Mình ăn trưa chứ?*

c. Nhóm biểu thức kết cấu hời thực hiện hành động biểu cảm

²Chúng tôi dựa theo thuật ngữ tác giả sẽ dùng: biểu thức ngữ vì là cách dịch khác của “performative expression”, hành vi ngôn ngữ là cách dịch khác của “speech act”.

Tiêu nhóm này là *biểu thức hời biểu cảm*. Đây là tiêu nhóm có sự phân hóa về sự thái ý nghĩa và tình cảm tình từ và phong phú nhất, có thể đưa ra một số tiêu loại sau [6; 12]:

- Biểu thức hời thể hiện hành động phê phán 비판의문표현, ví dụ:

왜이렇게아빠말안들어? *Sao con lại không vâng lời bố thế này?*

- Biểu thức hời thể hiện hành động ca thán 한탄의문표현, ví dụ:

세상에갈수록왜이렇게험악해져? *Sao cuộc đời ngày càng hiểm ác thế này?*

- Biểu thức hời thể hiện hành động nhấn mạnh 강조의문표현, ví dụ:

그권위쉬운줄알아? *Cô tôi nghĩ việc đó đâu là gì?*

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi xem xét đến biểu thức hành động biểu cảm của biểu thức kết cấu hời của từ hời trong tiếng Hàn.

2. Hành động ngôn từ gián tiếp biểu cảm thể hiện bởi kết cấu hời có từ hời

Ngoài chức năng thể hiện hành động hời và hành động cấu khiến, cấu hời nói chung và biểu thức kết cấu hời có từ hời nói riêng còn được dùng để thể hiện tình cảm, thái độ, quan điểm của người nói về sự vật hiện tượng liên quan. Hành động biểu cảm xuất hiện trong kết quả khảo sát từ liệu là vô cùng phong phú: *phê phán/ chê bai/ trách móc, nhấn mạnh khẳng định/ phủ định, bác bỏ/ từ chối, ca thán/ than thở/ cảm thán, khuyên nhủ/ nhắc nhở, gợi ý, ngạc nhiên, hời hợt, thối bại v.v...* Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ có thể phân tích một vài trường hợp với mong muốn phần nào khám phá được sự đa dạng của ngôn từ trong hoạt động ngôn ngữ.

2.1. Hành động thể hiện thái độ phê phán

Hành động phê phán thể hiện bởi biểu thức kết cấu hời có từ hời, xuất hiện trong ngữ liệu hời thoại với các cặp từ khác nhau:

(1) Lên án các tội ác, hành vi trái đạo lý;
(2) Phê phán, phê bình các lỗi lầm, sự xuýt;
(3) Trách móc/ chê bai hoặc dè bỉu những điểm mạnh hay thói quen, làm mất thể diện của đối tượng giao tiếp v.v...

*Đoạn thoại 1: In seo đang xem tivi, Kyoungseo khoác thêm áo khoác đi ra

Inseo: 어디가? - *Chỗ đi đâu đấy?*

Kyoungseo: 감독이좀보재. 아버지주무시지? - *Đạo diễn nhìn đi. Bố nghĩ à?*

Inseo: 응, 불꺼졌잖아- , *tắt đèn mà.*

Kyoungseo: 갔다올게- *Chỗ đi đây.*

Inseo: 머리라도좀빋고나가지. *kối tóc gì vậy?*
Chỗ đi đâu rồi hãy đi. Bố nghĩ gì thế kia?
[Điểm liệu 1, tập 1]

2.2. Hành động thể hiện sự nhấn mạnh phủ định/ khẳng định

Hành động phủ định hay khẳng định thể hiện bởi biểu thức kết cấu hời có từ hời xuất hiện trong ngữ liệu khá phong phú. Người nói dùng biểu thức kết cấu hời có từ hời để khẳng định hay phủ định điều gì đó một cách mạnh mẽ.

*Đoạn thoại 2:

Hyeran: 나엄마생각처럼그렇지않아. 나도성준땀에. *Con không như mẹ nghĩ đâu. Con cũng vì Seung jun mà.*

Sunim: 알아. *니가성준이생각하는말. 내가모르가알겠어?* *Biết rồi. Tôi lòng của con nghĩ cho Seung jun, Mẹ không biết thì ai biết đây?*
[Điểm liệu 1, tập 13]

Biểu thức khẳng định thể hiện sự thái độ khẳng định và nhấn mạnh hời phát ngôn: “*Mẹ biết*” hay “*Mẹ rồi biết*”. Với đoạn thoại điểm này, sự thái phủ định cũng thuyết phục hời phát ngôn “*Không đâu*” hay “*Chẳng đâu*”.

*Đoạn thoại 3: Kyoungseo từ trên xe Dongju bước xuống. Dongju với xuống đi.

Kyoung seo: 됐어요. 이제그만가보세요. *Đừng rồi. Giờ anh với đi.*

Dong ju:

되긴 뭐가 돼요? 제대로 서있지도 못하면서.

Đ c gì mà đ c? Cô còn không đ ng v ng mà. (B ng ch ng ngo i tình, t p 12).

2.3. Hành đ ng th hi n thái đ bác b / t ch i

Hành đ ng th hi n thái đ bác b / t ch i h ng t i ph đ nh quan đ i m hay đ ngh c a ng i nói.

*Đo n tho i 4: Kyoungseo đang nói chuy n đ i n tho i v i đ o di n Dong ju, Jae yong b bên.

Kyoungseo:...인터뷰요? 나도 꼭 해야 되요? 그냥

감독님 혼자 하면 안 돼요?...

Ph ng v n ? Nh t đ nh tôi ph i tham đ à?

Mình đ o di n tr l i ph ng v n đ c không?

Jaeyong: 해. Đi đi.

Kyoungseo:

근데 지금 바로 준비하고 나가서 열시는 넘을 거예요. 네.네. Nh ng gi chuy n b đi cũng ph i h n m i gi. Vâng, vâng.

Jaeyong: 작가가 할 일은 작가가 해야지. 왜 다 감독님한테 떠넘기려고 그래? V i c c a biên k ch thì biên k ch ph i làm. Sao c đ y sang cho đ o di n th ?

Kyoungseo: 작가가 대본이나 열심히 쓰면 되지. 무슨 인터뷰까지 해? Biên k ch thì ch c n t p trung v i t k ch b n là đ c. Sao ph i ph ng v n g i ch ? [Đ n li u1, t p 30]

Kyoungseo bác b ý ki n c a Jaeyong v trách nhi m c a nhà biên k ch. Theo cô thì biên k ch ch c n v i t k ch b n t t là đ .

2.4. Hành đ ng bi u th s c m thán

Hành đ ng bi u th s c m thán có các m c đ t th p đ n cao nh : Than th , c m thán, ca thán. Hành đ ng ngôn t này th ng bi u đ t ý nghĩa không hài lòng v ng i khác ho c b n thân; nó cũng mang ý nghĩa tích c c khi th hi n s thán ph c, kính ng c tr c nh ng đ i u t t đ p hay khác th ng.

*Đo n tho i 5 : Nhà Hyeran, Sunim đ ng tr c c u thang h ng lên t ng 2, g i n.

Sunim: 아가씨, 얼른 내려와요. 헤란이 기다려요. Cô mau xu ng đi, Hyeran đ i.

Youngrim: 저 지금 통화중이에요.

언니 조금만 기다리라고 하세요. Em đang nói chuy n đ i n tho i. Ch b o nó đ i em chút.

Sunim: 어머. 무슨 통화중이긴 통화중이야? 헤란

이 기다리는데. 어머. 너무 웃겨. 진짜. Ôi tr i. Đ i n tho i gì mà đ i n tho i ch ? Hyeran đang đ i mà. i tr i. Th t n c c i. Đúng là. [Đ n li u1, t p 13]

2.5. Hành đ ng khuyên/ nh c nh / c nh báo

Hành đ ng bi u c m nhóm này phá tri n t m c đ khuyên gi i, khuyên nh đ n nh c nh (khi đ i ph ng c tình ho c vô tình không làm t t đ i u gì). C nh báo là giai đ o n cao nh t, th hi n m c đ tr m tr ng c a v n đ , tình hu ng.

*Đo n tho i 6: b nh vi n, Hyeran n m trên gi ng b nh, nói chuy n v i Youngrim.

Youngrim: 내일이라도 당장 서울가자. 가서. Ngày mai v Seoul ngay đi. V đi.

Hyeran: 아니. 이대로는 못가. -Không, th này cháu không v đ c.

Youngrim: 니 맘은 알겠는데. 자궁에 생긴 문제 는 둘째치고, 마취 자체가 위험하는데, 니 체질이 그렇다는데 어쩔 거야? - Cô bi t tâm tr ng c a cháu mà. V n đ t t cung ch là th hai thoi, thu c gi m đau đã nguy hi m r i, th ch t c a cháu l i nh th thì bi t làm sao?

Hyeran: 몇 주 더 기다렸다가 윤도 분만 하면 돼.

Ch c n đ i m y tu n, n u cho đ a bé ra là n mà

Youngrim: 애가. 너의 사말은 뭘로 들은 거야? 그랬 다가 잘못 되면 아예 영구 불임이 될 수도 있다잖아. Con bé này. Cháu không coi l i c a bác sĩ ra gì sao? N u không c n th n có th vô sinh mãi mãi đ y. [Đ n li u1, t p 2]

2.6. Hành đ ng th hi n s ng c nhiên/ gi n đ

Thầy hi vọng sẽ ngạc nhiên hay gì đó của ngạc nhiên nói cũng là một động hành động biểu cảm theo hi vọng biểu hiện theo kết cấu hình có thể hiểu. Ngạc nhiên nói thầy hi vọng sẽ ngạc nhiên trước sự vật/hiện tượng không ngờ tới.

Đoạn thoại 7: Seung jun quay xe định ra phòng khách, thầy Hyeran ngạc nhiên cầu thang.

Seung jun: 왜그리고있어? 올라가라니까. Sao còn ngồi đây? Bố còn lên nhà rồi kia mà.

Hyeran: 엄마한테 그러지마. 엄마말틀린 거 하나도 없어. 너 이렇게 된 거. 아버지 돌아가신 거, 다 나 때문이니까. Em đừng thầy với mẹ. Mẹ nói không có gì sai cả. Vì vì c em trở thành thầy này, vì c bố mẹ đi đâu là do thầy cả.

Seung jun: 갑자기 왜 이러시나? 이번엔 말은 역이천사역이야? 아님 효녀심청? 그래서 미리 연습이라도 해두시게? -T nhiên sao thầy rồi nh vậy? L n này thầy nh n vai thiên s à? Hay hi u n Simjung? Th nên thầy m i luy n t p tr c th này đây? [Đn li 1, t p 15]

Trong đoạn thoại trên, Seung jun hai lần tỏ ra ngạc nhiên: 1/ Khi bố thầy nhìn thầy thầy ngạc nhiên cầu thang-vấn đề nghĩ là thầy đã lên phòng rồi; 2/ Khi thầy thầy nói nhng rồi thì thầy khác thầy ng. Trong thầy t, con ngạc nhiên thầy ng thầy gì đó thầy c đi đâu gì không thầy chấp nhận được, ngoài sự c thầy đng/ nên nhn của h. Xét đoạn thoại sau:

**Đoạn thoại 8:* Bori bng bát canh nóng vào.

Bori: 자국대령입니다! Chà, canh đ n đây! (ngi xu ng c nh Ok ju, xúc c m...)

Okju: (mức canh ăn, nóng quá, đng bít dyy hét) -아! 뜨거뚜거! (획보리뒤통수갈기며) 이게 사람 잡으려고 작정했어!! Ah, nóng, nóng quá! (đánh mnh vào sau gáy Bori) Cô đ nh gi t ng i đ y à?

Bori: (Nói câu, đng bít dyy, trng mtt) 시방 뭐 하는 짓입니까? Ch đang làm cái gì th h? [Đn li 2, t p 14, c nh 8]

Hành đng và thái đ của Okju là kiểu c x “ma cũ bít n t ma m i”. Bori đã không chịu đng n nên đã phn ng quy t li t.

2.7. Hành đng thầy hi vọng sẽ thầy ng c m/ thầy ng hi

Thầy hi vọng sẽ thầy ng c m đv với nhng bít hnh, không may mnh của ngi khác. S thầy ng hi mang mtt s c thái khác: Thầy tti nghi p cho nhng k “l m đ ng l c l i” phn tr giá cho nhng l i l m c a mình.

**Đoạn thoại 9:* Young ju nài Junsik giúp đ.

Young ju: (quay li) 형부! 좀 도와줘요! 어떻게든 그 사람 설득해서 방송 그만 두게 좀 해줘요! 이바닥 떠나서 조용히 좀 살게 해달라구요! 나 강민씨 놓치면 정말 못 살 거라구요! Anh r! Xin hãy giúp em! Anh làm th nào thuy t ph c ng i y ng làm Đ ài phát thanh cho em! Anh b o anh ta r i kh i đây và s ng im l ng giúp cho! Th c s là n u m t Kangmin, em s không s ng n i!

Junsik: (thầy ng hi)

어쩌다 이 지경까지 됐어? 어? 저 자식 지금 하는 소리 못 들었어? 처제 하구 헤어지겠다잖아! Th nào mà cô l i đ n m c/ c nh ng này h ? Sao? Cô không nghe th y th ng y nó nói gì à? Nó b o s chia tay v i cô mà. [Đn li 2, t p 13]

Ngoài ra, còn xuất hiện các hành đng biểu cảm nh:

(1) S lo ng:

러다 정말 여기서 잠들면 어떡해? C th r i ng đây th t th b ít làm sao? [Đn li 1, t p 2]

(2) Thái đ c m đoán/ xua đu i:

여기가 어디라고 찾아와? Đây là đ âu mà anh đ n? [Đn li 2, t p t p 14, c nh 18]

Ch c năng biểu cảm của biểu thức kết cấu hình có thể hiểu thầy hi vọng đa đng và phong phú c v phm vi biểu cảm l n các c p đ biểu cảm. Có thể thấy, nhng tình c m đ c biểu đt qua biểu thức kết cấu hình có thể hiểu thầy hi vọng khá đy đ các cung b c tình c m

của con người. Điều này cho chúng ta thấy rằng việc tìm hiểu nghiên cứu về ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp: Chúng ta biết rằng ngôn ngữ và hành vi ngôn ngữ có thể biểu hiện được những ý nghĩa, thực hiện được các chức năng khó có thể tưởng tượng.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành động biểu hiện của một cá nhân có thể hiểu

Việc phân định và nhận diện hành động ngôn ngữ gián tiếp phải thu hút nhiều vào yếu tố ngữ cảnh. Để biết, phần lớn của ngôn ngữ nghe trong hoàn cảnh giao tiếp có thể đóng vai trò vô cùng quan trọng. Trong hành vi, vì nguyên tắc thì một phát ngôn không thể mang cùng lúc hai ý nghĩa, trừ khi người nói sử dụng câu mang nghĩa mơ hồ, đa nghĩa vì mục đích, chức năng giao tiếp. Bởi người nói đã quyết định ý đồ và mục đích giao tiếp trước khi thực hiện hành động nói. Tuy nhiên, việc nhận diện chính xác hành động ngôn ngữ đòi hỏi người nghe phải là người không dễ dàng, việc càng khó khăn hơn đối với người học tiếng và sử dụng ngôn ngữ đó như một ngoại ngữ (hay một ngôn ngữ thứ 2 = L2).

3.1. Yếu tố tiếp nhận hành động ngôn ngữ của người nghe

Việc tiếp nhận, nhận diện và phân loại hành động trao đổi của người nghe bằng hành động trao đáp có vai trò quan trọng để nên thành công của cuộc tiếp xúc. Nếu người nghe nhận diện hành động ngôn ngữ không chính xác và có phần không phù hợp sẽ gây khó khăn cho việc hiểu và hiểu và hiểu thành công của giao tiếp. Xét đoán theo sau:

*Đoạn thoại 10: Phòng khách tầng 1 nhà Hyeran, Sunim tới trong phòng đi ra.

Sunim: 이게 무슨 냄새야? *Mùi gì thế này?*

Seungjun: 청국장냄새야. *Mùi*

Cheonggukjang.

Sunim: 누가 청국장냄새를 줄까? 아줌마. 아줌마.

Ai không biết mùi Cheonggukjang chứ? Achuma. Achuma... [Đoạn 1, tr 33]

Seungjun cho là mình đang muốn biết đó là mùi gì. Tuy nhiên, ý nghĩa của phát ngôn không phải vậy. Sunim không có nhu cầu nhận thức, phát ngôn của bà hướng đến một hành động ngôn ngữ gián tiếp khác, đây có thể là lời phàn nàn, ca thán. Việc kinh nghiệm mấy chục năm làm nghề nội trợ, việc nhận biết thức ăn qua cảm nhận mùi vị với nhân vật Sunim quả thực không thể là một việc khó khăn.

3.2. Các yếu tố tình thái-ngữ động khác

Các yếu tố tình thái-ngữ động ảnh hưởng trực tiếp đến đích ngôn ngữ trung tâm mà phát ngôn hướng đến. Trong hoàn cảnh giao tiếp có thể, các thông tin về không gian, thời gian, địa điểm, các biến thể về đích điểm và quan hệ giữa hai bên giao tiếp... quy định chức năng giao tiếp của câu hỏi và cũng là các dấu hiệu nhận diện hành động ngôn ngữ, để biết là các hành động ngôn ngữ gián tiếp mà phát ngôn hướng đến. Ví dụ: 세라: (손가락대며 OL) *췌! 그렇게 큰 소리로 말하면*

어떻해요? Sera: (Giống ngón tay làm b) *Suýt!* Anh nói to thế thì làm sao? [Đoạn 2, tr 14].

Yếu tố phi ngôn ngữ đây là hành động đưa ngón tay lên làm hiệu- thông điệp lên môi mình. Hành động này đi kèm với phát ngôn hướng đến là hướng trên, để thêm sức mạnh cho hành động kêu gọi ra lệnh: *Nói khẽ thôi!*

Với hành động ngôn ngữ gián tiếp, ngữ cảnh đóng vai trò bổ sung các phát ngôn đi kèm hay các biểu hiện liên kết đóng vai trò quan trọng. Thêm chí các từ / ngữ đi kèm cũng có ảnh hưởng lớn đến sắc thái biểu hiện của phát ngôn. Ví dụ:

진짜, 지도 않은 배우 이름은 왜 꺼내요? *Thật là, sao lại nhắc đến tên một diễn viên chứ ng ra gì thế?* [Đoạn 1, tr 12].

Hay: 애가. *너의 사말은 뭘로 들은 거야?*

-Con bé này, cháu không coi là bác sĩ ra gì sao?/ cháu coi là bác sĩ nói là gì nào? [Điền liêu 1, tập 2].

Đồ có thể nhận diện chính xác, phần này hỏi đáp phù hợp với các hành động ngôn từ gián tiếp để thể hiện bởi các biểu thức kết cấu hỏi có thể hỏi, người tham gia giao tiếp không thể bỏ qua các thông tin ngữ động - tình thái gắn với ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

Kết luận

Chức năng giao tiếp của biểu thức kết cấu hỏi có thể hỏi mang những đặc trưng chung của biểu thức kết cấu hỏi. Ngoài thể hiện hành động hỏi yêu cầu cung cấp thông tin nhằm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết về thế giới, nó còn hướng tới thể hiện hành động cầu khiến và hành động biểu cảm.

Do đặc trưng về cấu trúc-hình thái, biểu thức kết cấu hỏi chứa thể hỏi có khả năng biểu cảm phong phú. Hành động biểu cảm thể hiện nhiều dạng thái, cấp độ: Phê phán, nhún nhún không đồng ý/ phê bình, khuyên/nhắc nhở/ cảnh báo, thể hiện sự ngạc nhiên/giận dữ... Sự khác biệt của các tiêu loại biểu thức kết cấu hỏi có thể hỏi thể hiện chức năng biểu cảm rất khó xác định bởi mức độ đa dạng về phạm vi và cấp độ của các cung bậc tình cảm của con người trong tác động của thế giới, trong quan hệ tình tác ngôn ngữ.

Các yếu tố ảnh hưởng đến thể hiện hành động ngôn từ gián tiếp của biểu thức kết cấu hỏi có thể hỏi là: i) Sự tiếp nhận và phần này của người nghe trước hành động nói của đối tượng giao tiếp; ii) Các yếu tố ngữ động-tình thái như các yếu tố kèm lời, phi lời; các từ ngữ hay phát ngôn đi kèm, các biểu thức gắn kết...

TÀI LIỆU THAM KHẢO, TRÍCH DẪN

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đồ Hữu Châu tuyển tập*, tập 2: *Đồ ngữ-Ngữ động học-Ngữ pháp văn bản*, Nxb Giáo dục.

2. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ động học*, tập 1, Nxb Giáo dục, HN.

3. Cao Xuân Hào (1991), *Tiếng Việt-số học ngữ pháp chức năng 1*, Nxb KHXH.

4. Lê Thu Thu Hoài (2011), *Chức năng thể hiện các hành vi ngôn ngữ đối với gián tiếp của câu hỏi tu từ*. *Ngôn ngữ Số 11* (2011). - tr.: 67 - 80.

5. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt-câu*, Nxb ĐH & THCN.

6. Nguyễn Đăng Sửu (2010), *Đồ tìm câu của câu hỏi tiếng Anh đối chiếu với tiếng Việt*, Nxb KHXH.

7. Nguyễn Kim Thôn (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, t.2, Nxb KHXH.

8. Hoàng Thị Yến (2011), *Về mặt số khái niệm liên quan đến câu hỏi và hành động hỏi trong tiếng Việt*, T/c TĐ đôn học và Bách khoa thư, số 6/ 2011, tr.100-110.

9. Hoàng Thị Yến (2013), *Mối quan hệ giữa tính nghi vấn và hành động ngôn ngữ trong câu hỏi*, *Ngôn ngữ*, số 6/2013, tr.42-54.

Tiếng Hàn

10. Lee Ik Seup và Chae Wan (2005), *Bài giảng ngữ pháp luận tiếng Hàn*, Nxb Hakyeonsa. 이익섭. 채완 (2005), 국어문학연사.

11. Nam Gi Sim và Ko Young Geun (1985), *Ngữ pháp luận tiếng Hàn chuẩn*, Nxb Tapchulpansa. 남기심.고영근(1985) 표준어문법론. 탑출판사

12. Park Young Soon (2001), *Ngữ nghĩa luận câu tiếng Hàn*, Nxb Park Ui Jung. 박영순 (2001) 한국어문장의미론. 박이정

13. Hoàng Thị Yến (2009), *Hành vi của khiếm trong câu hỏi tiếng Hàn (có so sánh với tiếng Việt)*, Hội thảo quốc tế: Nghiên cứu và giảng dạy Hàn Quốc học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, ĐHNN- ĐHQGHN, KỶ yếu tr 553-565, Nxb Văn hóa Thông tin, 2009 (tiếng Hàn).

NGỮ LIỆU

[1] *Bảng chức năng ngôn ngữ tình*.

[2] *Mối nhân duyên*.